

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án và cho phép thành lập
Trung tâm Dạy nghề Phúc Thịnh Khang tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 31/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1010/TTr-SLĐTBXH ngày 17/11/2009,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm dạy nghề Phúc Thịnh Khang tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Phúc Thịnh Khang lập (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Cho phép thành lập Trung tâm dạy nghề Phúc Thịnh Khang tại huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Trung tâm Dạy nghề Phúc Thịnh Khang là cơ sở đào tạo nghề ngoài công lập hoạt động theo quy định của pháp luật và được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Công ty TNHH Phúc Thịnh Khang căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng: VX;
- Lưu: VT(QĐ20-09).



Giang Văn Khoa

**ĐỀ ÁN THÀNH LẬP
TRUNG TÂM DẠY NGHỀ PHÚC THỊNH KHANG**
(Kèm theo Quyết định số: 3418 /QĐ-UBND ngày 07/12/2009 của UBND tỉnh)

**PHẦN THỨ NHẤT
SỰ CẦN THIẾT PHẢI THÀNH LẬP TRUNG TÂM DẠY NGHỀ, HIỆN
TRẠNG CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ:**

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Trong năm 2009, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức nhưng kinh tế của huyện Chơn Thành vẫn tiếp tục tăng trưởng khá cao; lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; quốc phòng an ninh ổn định. Nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt so với so với kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; nông nghiệp 42,97%; công nghiệp – xây dựng: 34,53%; thương mại – dịch vụ: 22,51%. Tổng sản phẩm trong huyện đạt 782 tỷ đồng (giá thực tế) tăng 20,8% so với năm 2007; bình quân thu nhập đầu người 11,76 triệu đồng/người/năm. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 17%; giá trị sản xuất công nghiệp 32,8%; giá trị sản xuất thương mại dịch vụ tăng 30,2%, thu ngân sách vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Kết quả thực hiện cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

1. Kinh tế:

1.1. Sản xuất nông nghiệp: Trong năm toàn huyện đã xuống giống gieo trồng được 1.276,8 ha (chủ yếu là mì cao sản, bắp, lúa); vụ đông xuân 158,9 ha. Tổng sản lượng lương thực có hạt là 405,4 tấn, đạt 106,2% kế hoạch năm. Chăn nuôi, thú y tiếp tục phát triển do giá sản phẩm và thị trường tiêu thụ ít biến động. Đàn gia cầm đạt 174.291 con và gia súc đạt 13.616 con.

1.2. Công nghiệp: Tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các thành phần kinh tế trên toàn huyện 10 tháng đầu năm đạt 595 tỷ đồng, đạt 105,3% kế hoạch năm, tăng 56% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng 29,8%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng 49,7% tổng giá trị. Ước thực hiện năm 2008 là 698 tỷ đồng vượt 23,5% kế hoạch giao.

1.3. Giao thông vận tải: Đáp ứng tốt nhu cầu và lưu thông hành hóa của người dân; sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách tăng tương ứng là 5% và 14% so cùng kỳ.

1.4. Xây dựng cơ bản: Thực hiện chủ trương kiềm chế lạm phát của Chính phủ và UBND tỉnh, huyện đã điều chỉnh 02 danh mục với số vốn 2,74 tỷ đồng; cắt giảm 01 dự án với 1,38 tỷ đồng; tạm ngưng 06 danh mục công trình chuẩn bị đầu tư để bố trí vốn cho các dự án đã có khối lượng nhưng chưa bố trí đủ vốn với tổng kinh phí 540 triệu đồng.

1.5. Thương mại dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội 10 tháng đầu năm của huyện đạt 612 tỷ đồng ước cả năm là 800 tỷ, bằng 178% so với năm 2007.

2- Văn hoá – xã hội.

2.1. Giáo dục đào tạo: kết thúc năm học 2007 - 2008, toàn huyện có 26 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở với 429 lớp, 12.954 học sinh. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học là 99,83%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 92,77%; Tổng số CBGV của toàn ngành là 934 người so với năm trước tăng 59 người.

2.2. Y tế: Thực hiện tốt công tác phòng, chống và chữa bệnh kịp thời cho nhân dân, trong 10 tháng đầu năm 2008 đã khám cho 81.221 lượt người, đạt 82,4% kế hoạch năm; kịp thời khoanh vùng triển khai các biện pháp cấp bách dập tắt dịch sốt xuất huyết tại 2 xã trọng điểm là Minh Hưng và thị trấn Chơn Thành. Hiện toàn huyện có 5/9 trạm y tế có bác sỹ phụ trách.

2.3. Văn hóa thông tin thể thao: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương; tổ chức nhiều hoạt động văn hóa quần chúng thu hút đông đảo cán bộ, nhân dân tham gia; tổ chức giải bóng chuyền nam, nữ cấp huyện và giải việt dã truyền thống với 350 vận động viên tham gia.

II. Tình hình nguồn nhân lực và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trên địa bàn.

1. Thực trạng và dự báo dân số, nguồn lao động trên địa bàn.

Chơn Thành là một trong những huyện có mật độ dân số cao (154người/km²) trong toàn tỉnh. Theo số liệu thống kê thời kỳ 2001 - 2005 tỷ lệ gia tăng dân số bình quân hàng năm là 5,5% tương đương với khoảng 3.200 người. Với mức độ tăng dân số như trên thì hàng năm có khoảng 1600 -1800 người tham gia vào thị trường lao động, dự báo đến năm 2011 số người tham gia vào thị trường lao động là 42.000 người.

DỰ BÁO DÂN SỐ - NGUỒN LAO ĐỘNG THỜI KỲ 2007 – 2011

Chi tiêu \ Năm	Đơn vị tính	2007	2008	2009	2010	2011
1	2	3	4	5	6	7
Dân số trung bình	Người	67.776	70.852	74.068	77.429	80.943
Nguồn lao động	Người	35.243	36.843	38.515	40.263	42.090

2. Nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng phát triển kinh tế trên địa bàn

Với đặc điểm chất lượng của lực lượng lao động trong huyện thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp, chủ yếu là lao động giản đơn, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp. Theo số liệu khảo sát lao động việc làm lực lượng lao động đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm khoảng 85% trong đó cơ cấu lao động có chuyên môn kỹ thuật chiếm khoảng 4,5%.

Như vậy, trong lực lượng lao động tỷ lệ lao động có chuyên môn kỹ thuật đang còn ở mức rất thấp chỉ đạt 4,5%. Với lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật như thế rõ ràng mất cân đối, hơn nữa có một số lao động được đào tạo trong những năm nền kinh tế bao cấp trước đây chuyển qua cơ chế thị trường với thiết bị công nghệ mới không đáp ứng được yêu cầu đặt ra của các đơn vị sử dụng lao động, mặt khác số lượng học sinh phổ thông hàng năm tăng nhanh nhưng chỉ có một số ít có điều kiện theo học tại các trường đại học và trung học chuyên nghiệp còn lại cần được đào tạo nghề.

III. Tình hình công tác dạy nghề trên địa bàn.

Huyện Chơn Thành được thành lập theo Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 20/02/2003 và bắt đầu đi vào hoạt động ngày 02/5/2003. Hiện tại trên địa bàn huyện có 01 trường dạy nghề công lập là Trường trung cấp nghề Tôn Đức Thắng trực thuộc UBND tỉnh Bình Phước và Trung tâm Dạy nghề huyện Chơn Thành, hàng năm đào tạo khoảng 200 học sinh hệ trung cấp nghề và khoảng 300 - 500 sơ cấp nghề và bồi dưỡng dạy nghề thường xuyên và khoảng 100 lao động học nghề tại một số cơ sở dịch vụ tư nhân tổ chức dạy nghề theo hình thức kèm cặp tại xưởng, tại nhà, lấy thực hành là chính thời gian đào tạo thành nghề dài hay ngắn tùy thuộc vào sự tiếp thu và tiến bộ của người học. Tuy nhiên đối với huyện Chơn Thành được Ủy ban nhân dân tỉnh xác định là khu vực tiếp nhận các dự án hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp (hiện đã có 2 khu công nghiệp là khu công nghiệp Chơn Thành và khu công nghiệp Minh Hưng) do đó trong tương lai việc sử dụng nguồn lao động có tay nghề là rất lớn vì thực tế cho thấy nguồn lao động đang làm việc tại các công ty, đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn hầu hết từ nơi khác đến và đã qua đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động.

IV. Nhu cầu đào tạo trình độ sơ cấp nghề.

Qua khảo sát tại một số công ty, đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện thì ngoài việc sử dụng một số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ trung cấp nghề trở lên làm quản lý, điều hành không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất thì việc cần sử dụng lao động có trình độ sơ cấp nghề để trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất là rất lớn nhưng thời gian qua việc tuyển dụng được số lao động này là rất ít, mà phần lớn các doanh nghiệp tuyển lao động phổ thông rồi trực tiếp đào tạo và sử dụng.

Với thực trạng công tác đào tạo nghề như trên để tạo nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, giảm tỷ lệ thất nghiệp, đồng thời góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào lên 28% vào năm 2010 theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thì việc thành lập trung tâm dạy nghề là hết sức cần thiết.

PHẦN THỨ II CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 71/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 30/12/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề.

PHẦN THỨ III

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO TRUNG TÂM DẠY NGHỀ HOẠT ĐỘNG.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRUNG TÂM DẠY NGHỀ.

- Tên gọi: **TRUNG TÂM DẠY NGHỀ PHÚC THỊNH KHANG.**

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: **06513.668469.**

- Họ và tên người dự kiến làm Giám đốc Trung tâm: Nguyễn Đăng Huy

- **Chức năng của Trung tâm dạy nghề.**

+ Được chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trung tâm phù hợp với chiến lược phát triển dạy nghề và quy hoạch mạng lưới các trung tâm dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

+ Được tổ chức đào tạo các chương trình dạy nghề thường xuyên theo quy định của pháp luật.

+ Được liên doanh, liên kết hoạt động dạy nghề với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng nghề theo quy định của pháp luật.

+ Được huy động, nhận tài trợ, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động dạy nghề.

+ Quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; các đơn vị trực thuộc trung tâm theo cơ cấu tổ chức đã được phê duyệt trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.

- **Nhiệm vụ của trung tâm dạy nghề:**

+ Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở trình độ sơ cấp nghề nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề, có đạo đức lương

tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

+ Tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo. Đưa nội dung giảng dạy về ngôn ngữ, phong tục tập quán, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc và pháp luật có liên quan của Việt Nam vào chương trình dạy nghề khi tổ chức dạy nghề cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh học nghề.

+ Tổ chức các hoạt động dạy và học; kiểm tra, cấp chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Tuyển dụng, quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên của trung tâm đủ về số lượng; phù hợp với ngành nghề, quy mô đào tạo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

+ Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề.

+ Thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề; tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp.

+ Tổ chức cho giáo viên, cán bộ, nhân viên và người học nghề tham gia các hoạt động xã hội.

+ Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề, ứng dụng khoa học công nghệ vào dạy nghề và hoạt động tài chính.

+ Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CỦA TRUNG TÂM DẠY NGHỀ.

1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của trung tâm là tổ chức dạy nghề, nâng cao, bồi dưỡng nghề cho người lao động ở mọi lứa tuổi nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động đồng thời góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 28% vào năm 2010 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thứ 5 khóa VII và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

Số TT	Tên nghề đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Dự kiến tuyển sinh đến năm 2013(hv)				
			2011	2012	2013	2014	2015
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lái xe ô tô	3-5	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
2	Vi tính văn phòng	1-3	50	50	50	50	50
	Tổng cộng		1.050	1.050	1.050	1.050	1.050

3. Tổ chức bộ máy.

3.1. Mô hình tổ chức bộ máy.

3.1.1. Giám đốc: là người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của trung tâm

- Nhiệm vụ của Giám đốc

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy nghề, bổ túc nghề và bồi dưỡng nghề.

+ Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, tài chính của trung tâm và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực huy động được để phục vụ hoạt động dạy nghề theo quy định của pháp luật.

+ Thường xuyên chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập cho cán bộ, nhân viên, giáo viên và người học.

+ Tổ chức và chỉ đạo xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trong trung tâm.

+ Thực hiện quy chế dân chủ trong trung tâm; thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên và người học trong trung tâm.

+ Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn của Giám đốc

+ Được quyết định các biện pháp để thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn của trung tâm dạy nghề quy định tại các điều 6 và 7 của Quy chế kèm theo Đề án này.

+ Được quyết định thành lập các phòng hoặc bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của trung tâm theo Quy chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Quyết định việc tuyển dụng hoặc giao kết hợp đồng lao động đối với giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Giao kết hợp đồng học nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề với người học theo quy định của pháp luật.

+ Ký hợp đồng liên kết với cơ sở dạy nghề khác; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong hoạt động dạy nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề hoặc tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật.

+ Cấp chứng chỉ sơ cấp nghề cho người học đạt yêu cầu theo quy định.

+ Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp quản lý.

3.1.2. Phó Giám đốc: Trung tâm có từ 1 đến 2 người

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc.

+ Giúp giám đốc trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trung tâm; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của giám đốc và giải quyết các công việc khác do giám đốc giao;

+ Khi giải quyết công việc được giám đốc giao, phó giám đốc thay mặt giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và giám đốc về công việc được giao.

3.1.3. Phòng đào tạo: Từ 1 – 3 người

- Lập tiến độ giảng dạy, lên kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, bố trí giáo viên giảng dạy lý thuyết và thực hành, tổ chức tuyển sinh, tổ chức các kỳ thi, kiểm tra cuối khóa

- Xây dựng nội dung chương trình giảng dạy phù hợp với nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

3.1.4. Bộ phận tổ chức, Hành chính - Kế toán và tài vụ: Từ 1 – 3 người

- Tham mưu cho ban giám đốc thực hiện chế độ chính sách, quản lý nhân sự và tổ chức, lập kế hoạch tài chính, quản lý ngân sách tài chính, thống kê quyết toán theo chế độ, đảm bảo nguồn kinh phí cho Trung tâm hoạt động.

- Chăm lo điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên của trung tâm.

3.1.5. Bộ phận quản lý thiết bị, sản xuất kinh doanh dịch vụ: 1 – 3 người.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý, bảo quản tất cả trang thiết bị dùng cho công tác giảng dạy và sản xuất kinh doanh dịch vụ

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị giảng dạy, dụng cụ đồ nghề theo đề nghị của giáo viên được phân công giảng dạy thực hành.

- Chủ động liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công ty nhận gia công, thiết kế sản phẩm theo đơn đặt hàng nhằm tạo điều kiện cho học sinh nâng cao tay nghề sau khi có sự chấp thuận của Giám đốc trung tâm.

III. Các điều kiện đảm bảo hoạt động của trung tâm.

A. Nội dung - Quy mô đầu tư xây dựng:

1. Nội dung đầu tư:

Căn cứ các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế và các quy định hiện hành do Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng ban hành áp dụng, đưa ra giải pháp thiết kế như sau:

a. Khối 1 : Nhà điều hành + làm việc:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm 01 trệt 01 lầu (02 tầng), diện tích xây dựng : 104,88m², tổng diện tích sàn : 209,76m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng, sàn lầu, sàn mái, sânô, cầu thang bằng BTCT; xà gỗ thép hình; tường xây gạch ống; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2zem (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

- + Nền: Lát gạch ceramic 400x400.
- + Cửa: Hệ thống cửa bằng khung sắt kính.
- + Tường: Sơn nước.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi ngầm trong tường, trần nhà và có ống bảo vệ. Sử dụng các thiết bị chiếu sáng phù hợp với công năng sử dụng của công trình.

+ Điện thoại: Cáp đi ngầm có ống bảo vệ.

+ Hệ thống cáp mạng vi tính: Cáp đi ngầm có ống bảo vệ.

+ Hệ thống ống cấp, thoát nước: Đường ống bố trí đi ngầm.

b. Khối 2 gồm : 01 Phòng học Luật giao thông ; 01 phòng điều hành giảng dạy:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 296m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng, sânô bằng BTCT; xà gỗ thép hình; tường xây gạch ống; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2zem (màu xanh); trần đóng tole sóng vuông dày 3,2 zem (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

- + Nền: Lát gạch ceramic 400x400.
- + Cửa: Hệ thống cửa bằng khung sắt kính.
- + Tường: Sơn nước.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi ngầm trong tường, trần nhà và có ống bảo vệ. Sử dụng các thiết bị chiếu sáng phù hợp với công năng sử dụng của công trình.

+ Hệ thống cáp mạng vi tính: Cáp đi ngầm có ống bảo vệ.

c. Khối 3 gồm : 01 Phòng học cấu tạo và sửa chữa; 01 phòng học kỹ thuật lái xe; 01 phòng thực tập bảo dưỡng; 01 phòng học nghiệp vụ vận tải và đạo đức người lái xe.

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 296m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng, sàn bằng BTCT; xà gồ thép hình; tường xây gạch ống; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2zem (màu xanh); trần đóng tole sóng vuông dày 3,2 zem (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

- + Nền: Lát gạch ceramic 400x400.
- + Cửa: Hệ thống cửa bằng khung sắt kính.
- + Tường: Sơn nước.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi ngầm trong tường, trần nhà và có ống bảo vệ. Sử dụng các thiết bị chiếu sáng phù hợp với công năng sử dụng của công trình.

+ Hệ thống cấp mạng vi tính: Cáp đi ngầm có ống bảo vệ.

d. Khối 4 gồm : Nhà ở tập thể giáo viên và học viên:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 338,8m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng bằng BTCT; xà gồ, vì kèo thép hình; tường xây gạch ống; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2zem (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

- + Nền: Lát gạch ceramic 400x400
- + Trần tấm nhựa.
- + Cửa: Hệ thống cửa bằng khung sắt kính.
- + Tường: Sơn nước.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi ngầm trong tường, trần nhà và có ống bảo vệ. Sử dụng các thiết bị chiếu sáng phù hợp với công năng sử dụng của công trình.

+ Hệ thống ống cấp, thoát nước: Ống bố trí đi ngầm.

đ. Nhà xe ô tô hạng B, C, D, E (02 nguyên đơn):

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 418,32m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng bằng BTCT; xà gồ, vì kèo thép hình; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2zem (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

- + Nền: Nền bê tông đá 1 x 2 lát vỉa xi măng.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi trên trần nhà và có ống bảo vệ.

e. Nhà xe 02 bánh:

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng bằng BTCT; xà gồ, vì kèo thép hình; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2mm (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

+ Nền: Nền bê tông đá 1 x 2 lát vữa xi măng.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng trong nhà: Cáp đi trên trần nhà và có ống bảo vệ.

f. Nhà căn tin + khu vệ sinh:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 209,16m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng bằng BTCT; xà gồ, vì kèo thép hình; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2mm (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

+ Nền: Nền bê tông đá 1 x 2 lát vữa xi măng

+ Cửa khu vệ sinh: Cửa nhựa.

+ Tường: Xây gạch sơn nước + vách đóng tôn.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng: Cáp bố trí trên tường, trần nhà và có ống bảo vệ.

+ Hệ thống ống cấp, thoát nước: Ống bố trí đi ngầm.

g. Nhà bảo vệ:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 16m².

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn bằng BTCT; xà gồ thép hình; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2mm (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

+ Nền: Nền lát gạch ceramic 400 x 400

+ Trần : Tấm nhựa.

+ Cửa: Bằng khung sắt kính.

+ Tường: Xây gạch sơn nước.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng: Cáp bố trí trên tường, trần nhà và có ống bảo vệ.

+ Điện thoại: Cáp đi ngầm có ống bảo vệ.

+ Hệ thống ống cấp, thoát nước: Ống bố trí đi ngầm.

h. Chòi điều hành lái xe:

Công trình công cộng (cấp IV), gồm tầng trệt (01 tầng), diện tích xây dựng: 9m^2 .

** Giải pháp kết cấu:*

Kết cấu: Móng, cột, đà kiềng, dầm, sàn bê tông BTCT; xà gồ thép hình; mái lợp tole sóng vuông dày 4,2mm (màu xanh).

** Vật liệu hoàn thiện:*

+ Nền: Nền lát gạch ceramic 400 x 400

+ Trần : Tấm nhựa.

+ Cửa: Bằng khung sắt kính.

+ Vách kính bao che xung quanh.

** Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:*

+ Điện chiếu sáng: Cáp bố trí trên tường, trần nhà và có ống bảo vệ.

i. Sân sát hạch thực hành kỹ năng lái xe cơ giới đường bộ (Ô tô và mô tô):

Tổng diện tích mặt bằng bố trí các hình thi: $37.959,9\text{ m}^2$. Trong đó, khu lái xe liên hôn diện tích $S = 18.776\text{ m}^2$, khu lái xe mô tô các loại $S = 6.573,9\text{ m}^2$ và sân kẻ hình thi tập lái tích $S = 12.610\text{ m}^2$ kết cấu đường là bê tông.

k. Hàng mục cổng – tường rào:

* **Cổng chính:** Cổng sắt đầy dài: 8 m và cửa phụ một cánh panô song sắt rộng: 1,2m.

* **Tường rào song sắt và tường rào xây gạch, giăng kẽm gai dài tổng cộng:** 1.342,8 m

l. Cấp nước tổng thể: Sử dụng mạng cấp nước cho nhà điều hành thông qua hệ thống ống cấp PVC đi ngầm dưới đất đến từng hạng mục công trình có sử dụng nước và nước tưới cây trong sân vườn.

m. Hệ thống PCCC: Gồm hệ thống phòng chữa, cháy tự động, nước chữa cháy và bể nước ngầm chữa cháy 35m^3 và các bình chữa cháy đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn và quy định và hiện hành.

n. Hệ thống chiếu sáng tổng thể: Xây dựng 01 bình hạ thế 3pha -150KVA sử dụng cho toàn bộ trung tâm sát hạch, chiếu sáng tổng thể sử dụng cột đèn bằng thép ống tròn (loại trụ con) cao 8m, bóng đèn SOLIUM cao áp công suất 250W/bóng, cáp đi ngầm dưới đất có ống bảo vệ.

o. Thốt nước tổng thể: Hệ thống sân bãi tập sử dụng cống tròn BTLT D600~D800 hộp thốt về hướng Tây và đổ ra hai bên hướng Bắc và hướng Nam khu đất, nhà điều hành thốt nước mái bằng các ống PVC - D90 dẫn xuống hệ thống thốt nước mặt của toàn khu bằng các tuyến cống rãnh.

x. **Giếng khoan:** Có chiều sâu 80 m.

y. **Bể nước ngầm** 35m³.

*** Bảng thống kê các hạng mục xây dựng**

SỐ TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	QUY MÔ
01	Nhà điều hành + làm việc	209,76m ²
02	Phòng học Luật giao thông đường bộ (<i>phòng học lý thuyết 96 chỗ + phòng máy tính 20 máy</i>); phòng điều hành giảng dạy	296m ²
03	Phòng học cấu tạo và sửa chữa thông thường; phòng học kỹ thuật lái xe; phòng học thực tập bảo dưỡng sửa xe và phòng học nghiệp vụ vận tải + đạo đức người lái xe	296m ²
04	Nhà tập thể giáo viên và học viên	338,8m ²
05	Nhà xe ô tô hạng C, B	209,16m ²
06	Nhà xe ô tô hạng D, E	209,16m ²
07	Nhà xe 02 bánh	40m ²
08	Nhà bảo vệ	16m ²
09	Nhà căn tin + khu vệ sinh	209,16m ²
10	Chòi điều hành lái xe	9m ²
11	Cổng, tường rào	1.352m
12	Sân, đường nội bộ	39.791m ²
13	Sân tập lái xe các loại	18.776m ²
14	Cây xanh bóng mát	4.225,9m ²
15	Đất khác	814,24m ²
15	Trạm biến áp + hệ thống điện chiếu sáng tổng thể	/
16	Cấp nước tổng thể	/
17	Thoát nước tổng thể	/
18	Hệ thống chống sét	/
19	Giếng khoan	/
20	Bể nước ngầm 35m ³	/

B. Diện tích sử dụng đất, Thuyết minh thiết kế:

*** Diện tích đất cần thiết khoảng 10 ha. Trong đó:**

* Trung tâm đào tạo lái xe được xây dựng trên khu đất có diện tích **64.458,44m²**. Dự kiến sau này các dự án đầu tư khác cùng thực hiện sẽ có ba mặt giáp với đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc bố trí các hạng mục công trình. Giải pháp bố trí tổng thể là bố trí giai đoạn 1 các hạng mục công trình về một khu vực đảm bảo quá trình đào tạo. Giai đoạn 2 sẽ tiếp tục đầu tư các hạng mục công trình khác còn lại được bố trí phù hợp với công năng sử dụng và tổng thể của khu đất.

* Trong tổng thể khu đất, các công trình được bố trí gần nhau nhưng vẫn đảm bảo khoảng cách an toàn và hành lang PCCC theo tiêu chuẩn cho phép. Sự liên hệ giữa các công trình trong tổng thể sử dụng đường nội bộ thông qua sân bê tông xi măng để kết nối các hạng mục công trình.

* Cụ thể, các hạng mục chính của công trình được bố trí như sau:

1. **Nhà làm việc + các phòng học:** Được bố trí gần sân tập lái xe các loại, thuận lợi cho học viên đến học lý thuyết, và làm việc.

2. **Nhà ở tập thể giáo viên và nhà ở tập thể học viên:** Được bố trí phía sau khu nhà làm việc và học lý thuyết, thuận lợi cho học tập, giảng dạy và nghỉ ngơi.

3. Sân tập thực hành kỹ năng lái xe cơ giới đường bộ :

a. Sân tập thực hành kỹ năng lái xe cơ giới đường bộ được chia làm 2 khu vực :

b. Sân tập thực hành thiết kế đảm bảo để xe sát hạch chỉ chạy theo làn đường thuận chiều, không rẽ cắt ngang các đường khác (trừ ngã tư có đèn tín hiệu) và không được chạy lặp lại quãng đường đã chạy (trừ sát hạch thử lái xe).

c. Các làn đường và hình sát trong sân sát hạch lái xe kết cấu đường bảo đảm, có hệ thống thoát nước đảm bảo không ứ đọng.

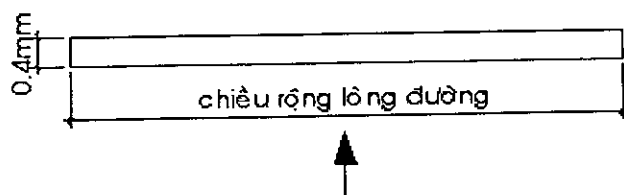
d. Đèn tín hiệu giao thông và biển báo hiệu đường bộ trong sân sát hạch lái xe xe tuân thủ theo đng Mục 3, Mục 4 Luật Giao thông đường bộ. Kích thước, mu sắc v hình vẽ trên biển báo hiệu tuân theo 22TCN 237-01 'điều lệ báo hiệu đường bộ được Bộ Giao thông - Vận tải ban hành.

e. Có vạch giới hạn hình thi trong sân sát hạch lái xe được sơn màu trắng có chiều rộng 0.1m và có vĩa hè hình sát hạch 0.1m. vĩa hè hình sát hạch có chiều cao 0.2m. cọc chuẩn trong sân sát hạch được sơn hai trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0.15m, đường kính từ 20mm đến 25mm có chiều cao 1.6m.

3.1 Hình sát hạch thực hành kỹ năng lái xe ô tô các loại Hạng B1, B2, C, D và E.

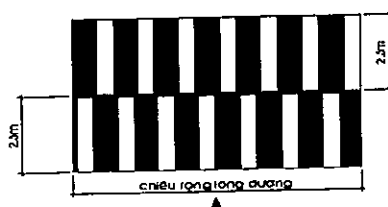
a. Vạch xuất phát và kết thúc :

Trên mặt đường kẻ một vạch ngang vuông góc với trục dọc của đường theo quy cch của Điều lệ báo hiệu đường bộ.



b. Vạch lùi

Trên mặt đường kẻ hết chiều rộng làn đường 02 làn vạch « sọc ngựa vằn » quy định nơi người đi bộ qua đường theo quy cch của điều lệ báo hiệu đường bộ, trong đó chiều dài vạch P(m) được chọn. $P=2.5m$



c. Vạch dừng ở chỗ đường dốc v đi tiếp :

Trên mặt đường ở chỗ đường lên dốc có độ dốc 10%, với chiều rộng 7m, chiều dài lên dốc 15m kẻ một vạch ngang vuông góc với trục dọc của đường theo quy cách của Điều lệ báo hiệu đường bộ (Hình vẽ như mục a, điểm 2.2).

d. Nơi thay đổi số, tăng và giảm tốc độ :

Trên ln đường rộng 3.5m cắm biển bo « bắt đầu tăng số » và cch biển « bắt đầu tăng số » 25m cắm biển bo « bắt đầu giảm số », cch điểm « bắt đầu giảm số » 25m, cắm biển « kết thúc giảm số ».

e. Hình vệt bánh xe :

Trên mặt đường về phía bên phải theo chiều hai vạch kẻ 02 vạch dọc song song với nhau và song song với trục dọc của đường có:

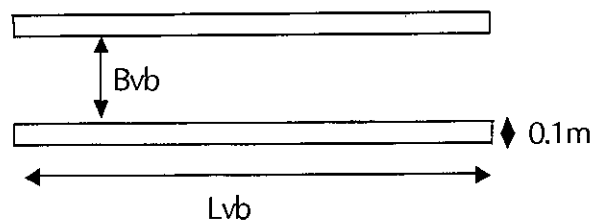
- Bvb (m) là chiều rộng vệt bánh xe $Bvb = B1 + 0.2m$

(khoảng cách giữa hai vạch)

- LVb (m) là chiều dài vệt bánh xe $Lvb = a$

Với B1 (m) là chiều rộng của bánh xe sau bên phải

a(m) là chiều dài ô tô



g. Đường

Gồm 02 hì

iều ngược lại, có :

- Sv (m) là chiều sâu đường vuông góc $Sv = 1.5a$

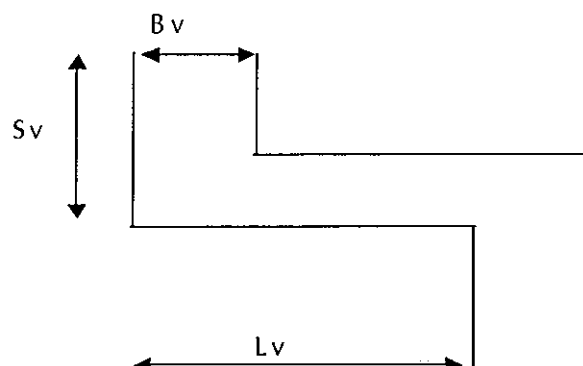
- Lv (m) là chiều dài đường vuông góc $Lv = 2.0a$

với a (m) là chiều dài ô tô

- Bv (m) là chiều rộng làn đường vuông góc

- Dành cho loại ô tô thực hành sát hạch $Bv = 2.2b$

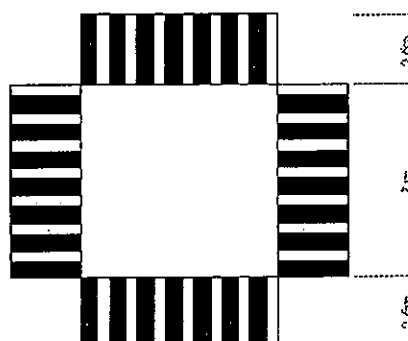
với b (m) là chiều rộng ô tô



h. Ngã tư :

Nơi đường hai chiều cùng cấp, (có chiều rộng không nhỏ hơn 7m giao nhau mỗi làn đường có chiều rộng 3.5m). trên mặt đường, ở mỗi đầu ngã tư kẻ hết chiều rộng lòng đường Vạch « sọc ngựa vằn » quy định người đi bộ qua đường, theo quy cách vạch số 1.14 phụ lục 8 Điều lệ báo hiệu đường bộ

Tại ngã tư được trang bị điều khiển giao thông bằng tín hiệu đèn, được lắp đặt hệ thống tín hiệu và cấm biển số 209 (a) « Giao nhau » có tín hiệu đèn. Trước ngã tư cấm biển số 205(a) « Đường giao nhau » để báo trước sắp đến nơi giao nhau của các tuyến đường cùng cấp.



i. Đường vòng quanh co :

Gồm 02 hình « nửa đường vòng tròn » nối tiếp với nhau ngược chiều, tạo thành hình chữ S có :

- R (m) là bán kính quay vòng phía ngoài của đường vòng quanh co.

$$R = R + 1.2m$$

với R (m) là bán kính quay vòng bánh xe trước phía ngoài nhỏ nhất

- R (m) là bán kính quay vòng phía trong của đường

Vòng quanh co.

$$R = R - B$$

- B (m) là chiều rộng làn đường đường vòng quanh

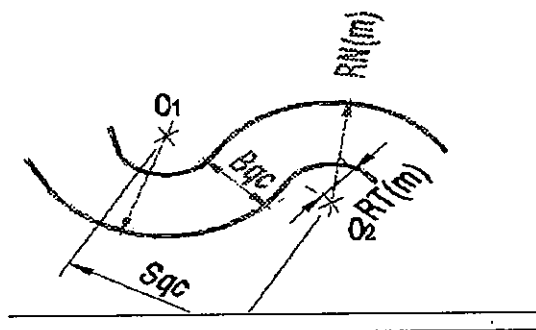
có dành cho loại ô tô đó

$$B = 2.2b$$

với b (m) là chiều rộng ô tô đó

- S (m) là khoảng cách tâm đường vòng hai phía

$$S = R + R$$



k. Hình ghép xe ngang vào nơi đỗ :

Trên làn đường xe chạy, bố trí chỗ « ghép xe ngang vào nơi đỗ », có :

- L_g (m) là chiều dài nơi đỗ

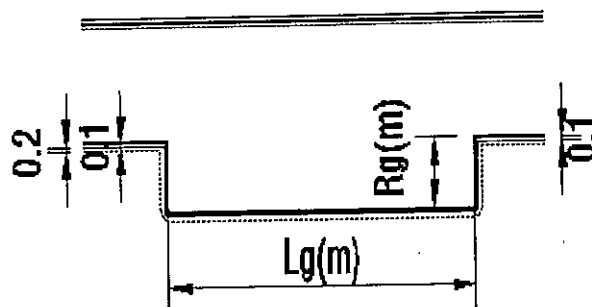
$$L_g = (1+2/3)a = 5/3a$$

với a (m) là chiều dài ô tô

- R_g (m) là chiều rộng nơi đỗ

$$R_g = (1+1/4)b = 5/4b$$

với b (m) là chiều rộng ô tô.



l. Hình ghép xe dọc vào nơi đỗ :

trên làn đường dành cho loại ô tô thực hành sát hạch giao nhau với đoạn đường cắt có cùng chiều rộng, được dùng làm nơi «Ghép xe dọc vào nơi đỗ » có :

- L (m) là chiều dài nơi ghép xe dọc

Với a (m) là chiều dài ô tô

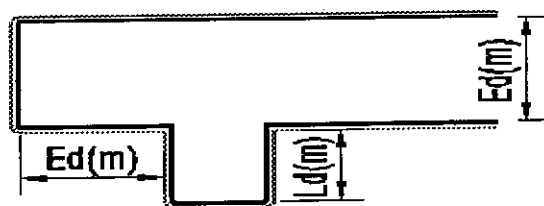
$$L_d = a + 1m$$

- R (m) là chiều rộng nơi ghép xe dọc, bằng chiều rộng

Làn đường với B (m) là chiều rộng ô tô.

$$R_d = b + 0.6m$$

E (m) là khoảng cách không chế dể lùi vào nơi ghép xe dọc $E_d = 1.5a$



m. Nơi có đường sắt chạy qua :

Làn đường bộ giao nhau với đường sắt không có rào chắn, không có người điều khiển, có đèn tín hiệu báo tàu hoả chạy qua, có cấm biển số 211 Phụ lục 8 Điều lệ báo hiệu đường bộ và sau đó cấm thêm biển phụ 508 (a,b) « chỗ đường sắt cắt đường bộ », đặt cách đường ray ngoài cùng của đường sắt 10m.

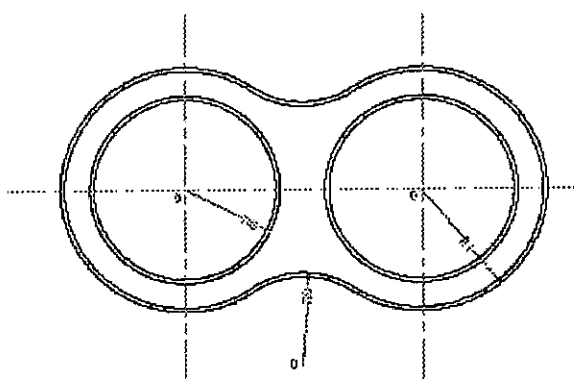
Trên mặt đường bộ, cách đường ray ngoài cùng tối thiểu 5m kẻ một vạch ngang vuông góc với trục dọc của đường, theo quy cách vạch số 1.12 Phụ lục 8 Điều lệ báo hiệu đường bộ.

3.2- Hình sát hạch thực hành kỹ năng lái xe mô tô 2 bánh (Hạng A1, A2) :

a. Hình số 8

Hạng A1

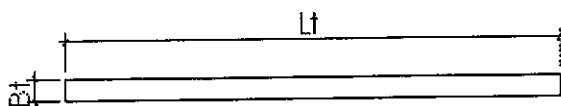
- Bán kính vòng ngoài 3m
- Bán kính vòng trong và bán kính điểm uốn. 3m
- nối tiếp giữa hai vòng tròn ngoài R_0
- Khoảng cách tâm giữa hai vòng tròn trong 00' 5.7m
- Khoảng cách tâm giữa vòng tròn trong và 00'' = 0'0'' = $R_1 + R_0$
- Vòng uốn nối tiếp



b. Vạch đu

Hạng A1

- Chiều dài vạch đường thẳng L_t 18m
- Chiều rộng vạch đường thẳng B_t 0.6m
- Màu sơn vạch thẳng Trắng



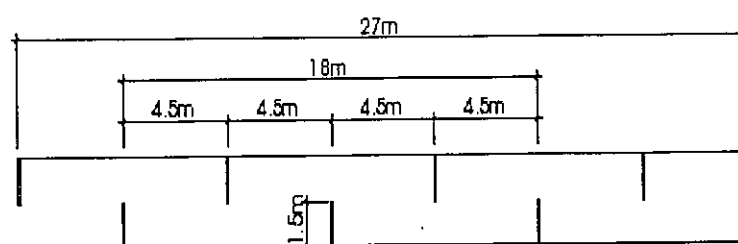
c. Đường có vạch cản

Hạng A1

- Chiều dài đoạn đường có vạch cản : 18m
- Khoảng cách giữa các vạch cản : 4.5m
- Chiều rộng làn đường có vạch cản : 3.0m
- Chiều dài vạch cản : 1.5m
- Chiều rộng vạch cản : 0.1m

- Màu sơn vạch kẻ :

Trắng



d. Đường gồ ghề

Hạng A1

- Chiều dài đoạn đường gồ ghề : 15m

- Chiều dài đế dải gồ ghề : 0.9m

- Chiều rộng đế dải gồ ghề : 0.2m

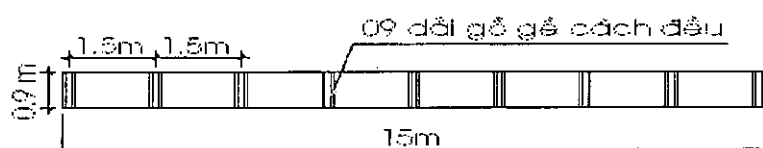
- Chiều rộng đỉnh dải gồ ghề : 0.1m

- Chiều cao dải gồ ghề : 0.05m

- Khoảng cách giữa các dải gồ ghề : 1.5m

- Dải gồ ghề được thi công bằng bê tông nhựa hạt thô, đầm lèn chặt, h = 0.015m

- Màu sơn trên mặt dải gồ ghề : Trắng



4. Gara + xưởng thực hành bảo dưỡng cấp IV: Được bố trí để xe ô tô nằm phía sau khu đất, thuận lợi cho việc đi lại giao thông.

5. Nhà bảo vệ; cổng, tường rào : Được bố trí nhằm bảo vệ an ninh, trật tự cho trung tâm.

6. Ngoài ra công trình còn được bố trí một số hạng mục phụ trợ khác như : nhà xe 02 bánh; sân đường nội bộ; cây xanh thảm cỏ; điện; cấp thoát nước; giếng khoan ; bể nước ngầm ; tín hiệu đèn giao thông . . .

C. Danh mục thiết bị.

Tên	Số lượng	Năm sản xuất
Xe ô tô tải dưới 3.500kg	5 xe	Từ năm 2000 – 2011
Xe ô tô tải trên 3.500kg	6 xe	Từ năm 2000 – 2011
Máy vi tính	25 cái	Từ năm 2008 – 2011
Động cơ xe	5 cái	Từ năm 1990 – 2000

Hệ thống truyền lực	1	Từ năm 1990 – 2000
Các tranh vẽ biển báo GTĐB	1	2008
Đèn chiếu	1 bộ	Từ năm 2005-2010
Mô hình hệ thống điện	1	Từ năm 1990-2010
Tranh vẽ sơ đồ cấu tạo và nguyên lý hoạt động HT treo, HT phanh, HT lái	1 bộ	Từ năm 2000-2010
Ô tô chở khách dưới 9 chỗ	15	Từ năm 1995- 2011

Ngoài ra còn có các băng đĩa, tranh ảnh, bàn, ghế giáo viên và học viên phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập.

D. Đội ngũ giáo viên:

- Số lượng giáo viên: 56 người trong đó, 52 giáo viên dạy thực hành và 4 giáo viên dạy lý thuyết.

- Trình độ của đội ngũ giáo viên:

+ Giáo viên dạy lý thuyết có trình độ trung cấp nghề trở lên; có chứng chỉ sư phạm và có giấy phép lái xe tương ứng với hạng xe đào tạo trở lên.

+ Giáo viên dạy thực hành: Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên; có chứng chỉ sư phạm; có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo; có giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

E. Chương trình, giáo trình giảng dạy.

Chương trình, giáo trình giảng dạy: Theo chương trình của Bộ giao thông vận tải

F. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án.

- Nguồn vốn: do công ty TNHH Phúc Thịnh Khang đảm bảo;

- Kế hoạch sử dụng vốn: theo tiến độ thực hiện dự án

PHẦN THỨ TƯ

KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ CỤ THỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch, tiến độ xây dựng cơ sở vật chất,

Phương thức và thời gian thực hiện dự án:

- Phương thức thực hiện dự án: Tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu theo quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện dự án là 15 tháng (từ tháng 10/2009-01/2011).

- Mốc thời gian triển khai dự án:

+ Tháng 09/2009 lập dự án đầu tư.

+ Tháng 10/2009 trình phê duyệt và thẩm định dự án đầu tư.

+ Tháng 11/2009 đến tháng 12/2009 lập và phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán.

+ Tháng 01/2010 tổ chức thực hiện dự án (đấu thầu, chỉ định thầu và thi công công trình).

+ Tháng 01/2010 khởi công xây dựng công trình.

+ Tháng 01/2011 nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng.

2. Kế hoạch mua sắm thiết bị.

Năm 2010 đến năm 2011 đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy.

3. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý.

- Từ tháng 01/2010 – 6/2010 Tổ chức tuyển dụng giáo viên và cán bộ quản lý.

- Từ tháng 6/2010 – 12/2010 Tổ chức lớp bồi dưỡng sư phạm cho giáo viên chưa có chứng chỉ sư phạm và tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe cho giáo viên dạy thực hành.

PHẦN THỨ NĂM CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CƠ SỞ DẠY NGHỀ THEO CHỦ TRƯỞNG XÃ HỘI HÓA

Trung tâm dạy nghề Phúc Thịnh Khang được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

PHẦN THỨ SÁU HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

1. Hiệu quả về kinh tế.

Trung tâm dạy nghề PHÚC THỊNH là cơ sở dạy nghề tư thực. Với nguồn kinh phí do người học đóng, nhà trường sẽ chủ động liên kết với các đơn vị sản xuất kinh doanh nhằm tạo cơ hội cho học sinh có điều kiện thực hành nhiều hơn và tạo nguồn thu tái đầu tư cho trung tâm.

2. Đánh giá hiệu quả xã hội.

Công tác đào tạo nghề góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, định hướng và tạo cho họ một nghề nghiệp căn bản có thu nhập ổn định yên tâm sản xuất phục vụ cho bản thân và gia đình, đồng thời giữ vững an ninh trật tự, giảm bớt tệ nạn xã hội, mặt khác nâng cao mặt bằng trình độ kiến thức chuyên môn, tăng năng suất lao động tạo thêm nhiều sản phẩm cho xã hội.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án.

Nhiệm vụ của Trung tâm dạy nghề là đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, phục vụ cho công cuộc đổi mới và đi lên của huyện Chơn Thành.